ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1232 /SNN&PTNT-KL V/v tổng kết Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.	*Thanh Hóa, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 1746/BNN-TCLN ngày 26/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng kết Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Công văn số 4031/UBND-NN ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao tham mưu rà soát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Đánh giá hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình (*Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm*).

3. Đánh giá tác động kinh tế - xã hội; tính bền vững của Chương trình; tác động tới các đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

Văn bản của UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 05/4/2021, bản mềm gửi vào địa chỉ email *Thoanguyenccln@gmail.com* để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - Lưu: VT, KL.	**GIÁM ĐỐC** **Cao Văn Cường**

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PTLN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Công văn số /SNNPTNT-KL ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu biểu 1. Tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 2016-2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu/kế hoạch	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2020							Tỷ lệ %
				Tổng số	Bình quân/năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	*2*	*3*	*4*	*5=7+8+9+10+11*	*6=5/5*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12=5(6)*100/4*
I	**Bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên**										
1	Diện tích rừng đặc dụng tăng thêm	nghìn ha	Tăng thêm so với năm 2015								
2	Diện tích rừng bị thiệt hại	ha/năm	giảm so với gđ 2011-2015								
3	Số vụ vi phạm các quy định của pháp luật về BV&PTR	vụ/năm	giảm so với gđ 2011-2015								
4	**Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng**										
4.1	***Tại các huyện 30a***										
a	Rừng phòng hộ	ha									
b	Rừng đặc dụng	ha									
c	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	ha									
4.2	***Xã khu vực II, III (theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP)***										
a	Rừng phòng hộ	ha									
	Trong đó: Rừng phòng hộ ven biển	ha									
b	Rừng đặc dụng	ha									
c	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	ha									
4.3	***Khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng khác*** (không thuộc đối tượng tại mục										

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu/kế hoạch	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2020							Tỷ lệ %
				Tổng số	Bình quân/năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	*2*	*3*	*4*	*5=7+8+9+10+11*	*6=5/5*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12=5(6)*100/4*
	4.1, 4.2)										
a	Rừng phòng hộ	ha									
	Trong đó: Rừng phòng hộ ven biển										
b	Rừng đặc dụng	ha									
c	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	ha									
5	**Hỗ trợ bảo vệ rừng**										
5.1	***Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP1***										
a	Rừng phòng hộ	ha									
b	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	ha									
5.2	***Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg***										
a	Diện tích	ha									
b	Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm	cộng đồng									
V	**Phát triển, nâng cao năng suất chất lượng rừng**										
1	Trồng rừng tập trung	ha									
a	Rừng đặc dụng	ha									
b	Rừng phòng hộ	ha									
c	Trồng rừng sản xuất										
-	Trồng mới	ha									
-	Trồng tái canh sau khai thác chính	ha									
	Trong đó: rừng thâm canh gỗ lớn	ha									
2	Khoanh nuôi tái sinh	ha									
a	Khoanh nuôi mới	ha									
b	Khoanh nuôi chuyển tiếp	ha									
3	Trồng cây phân tán	nghìn cây									
4	Chăm sóc rừng	ha/năm									
5	Năng suất bình quân của rừng trồng khi	m^3/ha/năm									

1 1 Chi tiết diện tích hỗ trợ bảo vệ rừng được lập trên cơ sở mẫu biểu 02, Phụ lục III kèm theo Văn bản này (cột 9-cột 12).

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu/kế hoạch	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2020							Tỷ lệ %
				Tổng số	Bình quân/năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	*2*	*3*	*4*	*5=7+8+9+10+11*	*6=5/5*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12=5(6)*100/4*
	khai thác chính										
6	Diện tích rừng gỗ nhỏ chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn	ha									
7	Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát giống	%									
VI	**Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm nghiệp**										
1	**Sản lượng khai thác gỗ**										
a	***Rừng tự nhiên***										
	Khai thác chính	1000 m^3									
	Khai thác tận dụng	1000 m^3									
b	***Từ rừng trồng tập trung***										
	Diện tích	ha									
	Sản lượng	1000 m^3									
c	***Từ cây gỗ trồng phân tán***	***1000 m^3***									
d	***Từ cao su thanh lý***	***1000 m^3***									
2	**Diện tích rừng được cấp chứng chỉ QLR bền vững**	**ha**									
a	Rừng tự nhiên										
b	Rừng trồng										
VII	**Cải thiện sinh kế**										
1	Số việc làm được duy trì thông qua việc thực hiện kế hoạch phát triển lâm nghiệp	1.000 việc làm									
2	Chỉ tiêu khác	....									